TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 86/2019/HNGĐ-ST Ngày: 08/7/2019 V/v "Tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Hữu Thành**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Trần Văn Hưng**
2. Ông **Nguyễn Văn Trước**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thế Anh** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên toà:* Không tham gia

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tuyết N**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2017 qua quen biết tìm hiểu nhau chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Ngọc D đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập quán, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2017 tại UBND xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến giữa năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, bản thân chị N đã nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không được,

chị N và anh D đã ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn nữa do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Nguyễn Thị Tuyết N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Ngọc D vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và cũng không gửi bản khai ý kiến cho Tòa án.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N vẫn bảo lưu ý kiến của mình.
- Bị đơn anh Nguyễn Ngọc D vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Tuyết N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Nguyễn Ngọc D. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc D vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Nguyễn Ngọc D.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2017 qua quen biết tìm hiểu nhau chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Ngọc D đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập quán, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2017 tại UBND xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết N, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Ngọc D chung sống hạnh phúc với nhau đến giữa năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm

sống nên thường xuyên cãi nhau, bản thân chị N đã nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không được. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh D là tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa chị N và anh D đã ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh D không thể hàn gắn được do đó yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tuyết N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyễn Thị Tuyết N là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 9, Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết N nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0002217 ngày 14/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh

Vĩnh Long. Chị Nguyễn Thị Tuyết N không phải nộp thêm tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Thành